

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này”.

Theo quy định tại mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025:

- Tại tiết 2 điểm đ khoản 2:

“2. Một số giải pháp trọng tâm thực hiện

đ) Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Các tỉnh, thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ đầu tư cho các địa bàn khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân

cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.”

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và phù hợp với quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích:

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

2. Quan điểm xây dựng văn bản:

- Đảm bảo phù hợp với quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

- Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Phù hợp tình hình thực tế của các đơn vị và địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

Ngày 07/4/2023 UBND tỉnh có Tờ trình số 1765/TTr-UBND trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 tại Kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 HĐND tỉnh khóa IV. Tuy nhiên, sau khi xem xét các nội dung của dự thảo Nghị quyết tại Kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 được tổ chức ngày 19/4/2023, Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến tại Thông báo số 17/TB-HĐND ngày 05/5/2023 như sau: “UBND tỉnh chỉ

đạo các sở, ngành tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 sớm trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua, làm cơ sở pháp lý cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”.

Đồng thời, tại Thông báo số 16/TB-HĐND ngày 22/4/2023 Kết luận Phiên họp thứ 29 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV có ghi: “...Tuy nhiên, Dự thảo nghị quyết chưa khảo sát, lấy ý kiến ý kiến cấp xã là chưa phù hợp vì đây là những đối tượng thực hiện Chương trình và chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết này”.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tiếp thu, hoàn chỉnh quy trình lấy ý kiến của các đối tượng liên quan theo quy định. Theo đó, ngày 09/5/2023 Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 947/SKH-QLN để lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết lần 2 của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức - chính trị xã hội, UBND các huyện, thành phố (đồng thời, đăng tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh); trong đó có đề nghị UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tổ chức triển khai lấy ý kiến góp ý tại các xã trên địa bàn, sau đó tổng hợp chung vào văn bản góp ý của UBND các huyện, thành phố để cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh, hoàn thiện. Ngày 19/5/2023 Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục có Công văn số 1028/SKH-QLN đôn đốc các đơn vị, địa phương góp ý về dự thảo Nghị quyết.

Đến thời điểm hiện nay, đã có 31 đơn vị và địa phương có ý kiến đóng góp (24 đơn vị có ý kiến thống nhất, 07 đơn vị ý kiến cơ bản thống nhất và đề nghị điều chỉnh, bổ sung). Trong đó, 08/08 UBND các huyện, thành phố đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã trên địa bàn huyện và có văn bản góp ý đối với dự thảo Nghị quyết gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Như vậy, dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức triển khai lấy ý kiến rộng rãi, đúng đối tượng, đảm bảo theo quy định. Tại cuộc họp Thành viên UBND tỉnh ngày 07/6/2023 đã thống nhất thông qua nội dung dự thảo Nghị quyết (lần 2).

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Bố cục: Gồm 6 điều

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Điều 4. Hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Điều 6. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

- Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 gồm có 03 Điều.

- Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có 03 Chương, 10 Điều, cụ thể:

Chương 1: Quy định chung có 02 Điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương 2: Cơ chế huy động nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có 06 Điều

Điều 3. Nguồn vốn huy động

Điều 4. Nguyên tắc huy động vốn

Điều 5. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng

Điều 6. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác

Điều 7. Công khai tài chính nguồn vốn huy động hợp pháp khác

Điều 8. Kiểm tra, giám sát nguồn vốn huy động hợp pháp khác

Chương 3: Cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có 02 Điều

Điều 9. Mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã

Điều 10. Phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:

Tại Thông báo số 16/TB-HĐND ngày 22/4/2023 thông báo Kết luận Phiên họp thứ 29 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV có nêu:

“- Về nội dung dự thảo nghị quyết và quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các CTMTQG: Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất nội dung quy định tại Chương I, Chương II của dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, đối với Chương III về cơ chế hỗ trợ thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Thường trực HĐND tỉnh có một số ý kiến như sau:

(1) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá kỹ kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (nay đã hết hiệu lực), đối với những nội dung thực hiện có hiệu quả, còn phù hợp với thực tiễn, tạo được sự đồng thuận cao của Nhân dân, như việc hỗ

trợ vật liệu xây dựng giao thông nông thôn... thì tiếp thu, kế thừa đưa vào dự thảo nghị quyết mới.”

Đồng thời, tại Kết luận số 506-KL/TU ngày 08/5/2023 Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo như sau “...Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh phối hợp với Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thẩm tra, thẩm định đúng quy trình, quy định của pháp luật trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định (Lưu ý: kế thừa các nội dung cốt lõi của Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND, ngày 17/6/2022 đến thời điểm hiện tại vẫn còn nguyên giá trị, phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân)”.

Đối với các ý kiến chỉ đạo nêu trên, UBND tỉnh đã tiếp thu và nghiên cứu, đánh giá, từ đó đề xuất tiếp tục kế thừa 08/10 nội dung, công trình để tiếp tục quy định hỗ trợ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, cụ thể kế thừa các danh mục, công trình sau: (1) Đường giao thông đến trung tâm xã; (2) Đường trục thôn, bon, buôn, bản; đường ngõ xóm; giao thông nội đồng; (3) Công trình trường tiểu học, trung học cơ sở; (4) Công trình trường mầm non; (5) Nhà văn hóa, công trình thể thao xã, thôn, bon, buôn, bản; (6) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; (7) Công trình hệ thống thủy lợi nội đồng và (8) Công trình thoát nước thải khu dân cư.

Tuy nhiên, đối với nội dung kế thừa quy định hỗ trợ nguyên vật liệu để làm đường giao thông nông thôn, UBND tỉnh đề xuất hỗ trợ theo tỷ lệ % tổng mức đầu tư công trình (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng). Lý do cụ thể như sau:

(1) Cơ chế hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn (đường giao thông trục thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm; giao thông nội đồng) theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh là hỗ trợ định mức nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, ca máy) theo định mức kỹ thuật trên 01km đường bê tông xi măng mác 200, chiều rộng 03m, chiều dày 16cm.

Tuy nhiên, theo quy chuẩn đường giao thông nông thôn trong giai đoạn hiện nay (tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 03/2/2023 về ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh) thì làm đường giao thông nông thôn có 3 cấp (A, B, C) với các tiêu chuẩn đường khác nhau, như:

- Đường cấp A tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 300, dày (18-22cm), bề rộng mặt đường 3,5m, đắp bù lè đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,92$, chiều rộng tối thiểu một bên từ 1,25-1,75m.

- Đường cấp B tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 250, dày (16-18cm), bề rộng mặt đường 3-3,5m, đắp bù lè đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,92$, chiều rộng tối thiểu một bên từ 0,5-0,75m.

- Đường cấp C tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 200, dày (14-16cm), bề rộng mặt đường 2-3m, đắp bù lè đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,92$, chiều rộng tối thiểu một bên từ 0,5m. Bên cạnh đó, tại Quyết định số 106/QĐ-UBND còn có các loại đường đá dăm, lán nhựa gồm các cấp A,

B, C có tiêu chuẩn thiết kế khác với loại đường nêu trên nên vật liệu sử dụng loại đường này cũng khác.

Ngoài ra, với mỗi cấp đường và loại kết cấu đường như trên còn phân ra 02 trường hợp: (1) tận dụng lại kết cấu mặt đường cũ (kết cấu mặt đường cũ trước đây đã gia cố móng cấp phối đá dăm; đất gia cố vôi, xi măng; cấp phối đồi, cấp phối thiên nhiên; gạch vỡ,...); (2) nền đường hiện hữu là đường đất, phải đầu tư phân móng, mặt đường.

Do đó, nếu kế thừa quy định mức hỗ trợ theo như định mức tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 thì sẽ gặp vướng mắc, thiếu sự linh hoạt trong việc lựa chọn phương án thiết kế; ngoài ra, hầu như các công trình tại khu vực đông dân cư, để thực hiện đã được các địa phương thực hiện ở giai đoạn trước, giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư các công trình ở địa hình khó khăn hơn khu vực dân cư thưa hơn sẽ phát sinh chi phí đầu tư hệ thống cống, rãnh thoát nước theo tiêu chuẩn thiết kế dẫn đến mức đóng góp của người dân tăng lên rất nhiều, gây khó khăn cho các địa phương trong việc tổ chức huy động nguồn lực triển khai thực hiện.

Theo tính toán 1km đường giao thông nông thôn mặt đường 3m BTXM đá 1x2 mác 200, dày 16, nếu thực hiện kế thừa theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 thì mức đóng góp của người dân đối với khu vực III là hơn 30%; khu vực I, II là hơn 44%, tỷ lệ này là rất cao so với mức huy động của các địa phương có thể thực hiện.

(2) Việc hỗ trợ định mức nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, ca máy) chỉ áp dụng cho hình thức cộng đồng dân cư tự thực hiện tức là các dự án đặc thù, trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh cho phép áp dụng tối thiểu 40% dự án đặc thù (hồ sơ dự toán do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ gồm vật liệu xây dựng đã có chi phí thuế, nhân công và ca máy). Đối với các dự án theo hình thức thông thường do doanh nghiệp thực hiện thì ngoài Vật liệu + Nhân công + Ca máy còn cộng thêm 16,4% các chi phí: 6,2%(Vật liệu + Nhân công + Ca máy) chi phí chung; 6%(Vật liệu + Nhân công + Ca máy) thu nhập chịu thuế; 2%(Vật liệu + Nhân công + Ca máy) chi phí không xác định từ thiết kế; chi phí lán trại tạm 2,2%(Vật liệu + Nhân công + Ca máy); ngoài ra còn phát sinh thêm chi phí thiết kế, quản lý, giám sát thi công và các chi phí khác theo quy định của Luật Xây dựng. Như vậy, cùng là dự án giao thông nông thôn nhưng thực hiện theo hình thức thông thường thì mức đóng góp của người dân sẽ tăng cao hơn, điều này sẽ xảy ra nhiều bất cập trong quá trình huy động nguồn lực để thực hiện.

(3) Qua tham khảo các tỉnh có điều kiện tự nhiên tương đồng với tỉnh Đắk Nông như tỉnh: Đắk Lắk, Gia lai, Kon Tum, cũng như hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước có thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hiện nay đã ban hành chính sách hỗ trợ nông thôn mới cấp xã theo tỷ lệ % của tổng mức đầu tư được duyệt (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng).

(4) Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới dự kiến phân bổ để thực hiện các công trình cấp xã là 700.380 triệu đồng (trong đó: Kế hoạch vốn đã giao 571.760 triệu đồng, dự kiến giao bổ sung 128.620 triệu đồng); tổng nhu cầu vốn của các công trình cấp xã đã được phê duyệt là 799.193 triệu đồng. Như vậy, tỷ lệ mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các công trình cấp xã so với tổng nhu cầu vốn thực tế là 88% ($=700.380/799.193$ triệu đồng x 100).

Theo số liệu phân tích, UBND tỉnh đề xuất mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng công trình cấp xã biến động từ **85% đến 97%** là phù hợp với nhu cầu thực tế và nguồn lực sẵn có tại địa phương, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ (các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần, không phải thuộc đối tượng được hỗ trợ 100%).

(Chi tiết như Phụ lục 02 đính kèm)

Từ các lý do nêu trên, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua phương án quy định định mức hỗ trợ các công trình trong xây dựng nông thôn mới theo tỷ lệ % của tổng mức đầu tư được duyệt (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng) để tạo sự linh động, thuận lợi hơn trong quá trình thiết kế và sự công bằng đối với công trình thực hiện theo hình thức đặc thù và thông thường. Đồng thời, tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc huy động nguồn lực ở cơ sở để thực hiện.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ kèm theo: (1) Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (2) Dự thảo Nghị quyết; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Bảng tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết (kèm theo văn bản góp ý của cơ quan, đơn vị).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, NNPTNT, LĐTĐBXH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến

**PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 02)**

Kèm theo Tờ trình số 3297/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 của UBND tỉnh Đắk Nông

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
1	Sở Xây dựng	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 786/SXD-HT&QLN ngày 10/5/2023
2	Sở Y tế	Thống nhất với nội dung dự thảo và không có ý kiến bổ sung.		Công văn số 1193/SYT-KHTC ngày 11/5/2023
3	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Thống nhất với nội dung và hình thức trình bày văn bản.		Công văn số 678/SLĐTĐTXH-BTXH&PCTN ngày 10/5/2023
4	BCH Đoàn tỉnh Đắk Nông	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 327-CV/TĐTN-PT ngày 15/5/2023
5	Sở Khoa học Công nghệ	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 373/SKHHCN-VP ngày 17/5/2023
6	Sở Nội vụ tỉnh	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 681/SNVXDCCQ ngày 15/5/2023
7	Cục thuế tỉnh	Thống nhất với nội dung dự thảo và không có ý kiến gì thêm		Công văn số 855/CTDNO-VP ngày 15/5/2023
8	Sở Công Thương	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 648/SCT-VP ngày 15/5/2023

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
9	Sở Tài nguyên và môi trường	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 1206/STNMT-CCBVMT ngày 18/5/2023
10	Cục Thống kê tỉnh	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 250/CTK-TKTH ngày 24/5/2023
11	Thanh tra tỉnh	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 417/TT-VP ngày 16/5/2023
12	Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 78/CĐCĐ-TCHC ngày 16/5/2023
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 686/SVHTTDL-VHGD ngày 19/5/2023
14	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 754/STTT-VP ngày 22/5/2023
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 152/SGDĐT-TCCBTCP ngày 22/5/2023
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 281/BQLKCN-NVTH ngày 22/5/2023
17	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết		Công văn số 450/BTV-PT ngày 22/5/2023

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
18	Liên minh Hợp tác xã	<p>Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết</p> <p>Sau khi xem xét nội dung Dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến phản hồi như sau: 1. Về nội dung cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình MTQG (quy định tại Chương I, II) của Dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất với Dự thảo Nghị quyết do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo. 2. Về nội dung cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (quy định tại Chương III) của Dự thảo Nghị quyết; nội dung này Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới) là đơn vị chủ trì soạn thảo và đề xuất lồng ghép vào nội dung Dự thảo Nghị quyết; do đó, trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương có liên quan đến cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nếu có); Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện nội dung Dự thảo Nghị quyết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định</p>		<p>Công văn số 237/LMHTX-KHHT ngày 22/5/2023</p>
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			<p>Công văn số 1162/SNN-KHTC ngày 19/5/2023</p>
20	Ban Dân tộc	<p>Sau khi nghiên cứu các văn bản có liên quan và nội dung dự thảo Nghị quyết, Ban Dân tộc có ý kiến như sau:</p> <p>- Tại điểm 2 Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo nghị quyết, có quy định địa bàn và định mức hỗ trợ đối với: “Đường giao thông trực thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm”, trường hợp thuộc địa bàn xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn: hỗ trợ 95%, các xã còn lại hỗ trợ 85%.</p> <p>Trong trường hợp đường giao thông liên thôn nằm trên 02 địa bàn khác nhau thì áp dụng</p>	<p>Sau khi nghiên cứu ý kiến góp ý, nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương, nhất là ở cấp xã trong quá áp dụng Nghị quyết; cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và điều chỉnh nhóm địa bàn: “Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn” thành “Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo”.</p> <p>Như vậy, quy định địa bàn hỗ trợ tại phần Phụ lục sẽ thành 02 nhóm sau: Nhóm “Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo” và nhóm “Các xã còn lại”.</p>	<p>Công văn số 483/BDĐT-NV ngày 22/5/2023</p>

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>định mức hỗ trợ theo địa bàn nào? Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ nguyên tắc áp dụng mức hỗ trợ đối với các loại công trình, dự án nằm trên 02 địa bàn khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình áp dụng nghị quyết khi được ban hành.</p> <p>- Các nội dung khác, Ban Dân tộc thông nhất với nội dung dự thảo.</p>		
21	Sở Tài chính	<p>Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:</p> <p>1. Về phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã do UBND cấp huyện trực tiếp quyết định thực hiện (quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị quyết): Sở Tài chính đã có ý kiến tại Công văn số 618/STC-ĐT ngày 21/3/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tổng hợp vào dự thảo Nghị quyết (tại dự thảo văn bản kèm theo Công văn số 947/SKH-QLN ngày 09/05/2023).</p> <p>2. Đối với các nội dung khác: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p> <p>Công văn số 1058/STC-ĐT ngày 17/5/2023</p>	
22	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	<p>Tại phần VII, mục 16 phụ lục kèm theo cần sửa đổi, bổ sung như sau: <i>"Đầu tư mới Trung tâm văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện, cấp xã; hệ thống loa truyền thanh tại thôn"</i></p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo, lý do:</p> <p>(1) Tại phần Phụ lục là quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các công trình cấp xã, không quy định hỗ trợ thực hiện các công trình cấp huyện; (2) Về quy định hỗ trợ để đầu tư Trung tâm văn hóa, Thể thao cấp xã thì đã được quy định tại nội dung thứ 9, mục IV của Phụ lục kèm theo Nghị quyết.</p>	<p>Công văn số 142/PTTH-TCHC ngày 23/5/2023</p>

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
23	UBND huyện Đắk Song	Sau khi nghiên cứu và tổng hợp kết quả lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song thống nhất với dự thảo Nghị quyết		Công văn số 1870/UBND-TCKH ngày 11/5/2023
24	UBND huyện Đắk R'lấp	Sau khi nghiên cứu bản dự thảo Nghị quyết, đồng thời lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện UBND huyện Đắk R'Lấp tổng hợp ý kiến như sau: Thống nhất với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Nông (có các văn bản kèm theo)		Công văn số 696/UBND-TC ngày 08/6/2023
25	UBND huyện Tuy Đức	Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, đồng thời tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã trên địa bàn huyện. UBND huyện Tuy Đức tổng hợp ý kiến góp ý như sau: có 07 đơn vị có ý kiến thống nhất với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết (phòng Kinh tế và Hạ tầng và 06 xã, có văn bản kèm theo). UBND huyện Tuy Đức thống nhất với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.		Công văn số 909/UBND-TCKH ngày 26/5/2023
26	UBND huyện Đắk Glong	Sau khi nghiên cứu dự thảo, đồng thời UBND huyện đã triển khai Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã (Công văn số 1430/UBNDTCKH ngày 23/5/2023). Tuy nhiên không có cơ quan, đơn vị, UBND xã nào góp ý (coi như thống nhất với dự thảo), có văn bản kèm theo. UBND huyện Đắk Glong thống nhất với các nội dung dự thảo Nghị quyết.		Công văn số 1624/UBND-TCKH ngày 08/6/2023
27	UBND huyện Cư Jút	Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, đồng thời lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan và UBND các xã trên địa bàn huyện, UBND huyện Cư Jút tổng hợp ý kiến góp ý cụ thể: có 01 ý kiến thống nhất với các nội dung		Công văn số 1493/UBND-TCKH ngày 07/6/2023

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>quy định tại Dự thảo Nghị quyết, các xã trên địa bàn huyện không có ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết nêu trên (có văn bản kèm theo). UBND huyện Cư Jút thống nhất với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết</p>		
28	UBND huyện Đắk Mil	<p>Sau khi nghiên cứu, lấy ý kiến các đơn vị, UBND huyện Đắk Mil có ý kiến như sau: - Đối với Dự thảo Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, UBND huyện không có ý kiến gì thêm. - Đối với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND huyện Đắk Mil đề nghị làm rõ nội dung chuyển tiếp; đồng thời hướng dẫn hoặc giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn địa phương thực hiện đối với các dự án (đã thi công hoặc đã huy động nhân dân đóng góp) theo văn bản cụ thể.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: - Về quy định chuyển tiếp: Tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết có quy định “1. Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành”. - Về hướng dẫn địa phương thực hiện đối với các dự án (đã thi công hoặc đã huy động nhân dân đóng góp): Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Đắk Glong, ngày 30/3/2023 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Công văn số 739/SNN-VPPDP gửi UBND các huyện, thành phố về hướng dẫn thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; trong đó có hướng dẫn như sau: Đối với các công trình, dự án đã được phê duyệt dự toán, giao kế hoạch vốn chi tiết và đã huy động được nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách (trên tinh thần tự nguyện, thống nhất của cộng đồng dân cư) thì địa phương có thể tiếp tục tổ chức thực hiện các bước tiếp theo trong việc đầu tư xây dựng các công trình theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Khi có Nghị quyết quy định mới được ban hành (nếu có) thì áp dụng theo Nghị quyết mới.</p>	<p>Công văn số 1047/UBND-TCKH ngày 19/5/2023</p>
29	UBND huyện Krông Nô	<p>Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, đồng thời lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, UBND huyện Krông Nô tổng hợp ý kiến góp ý cụ thể: có 01 ý kiến thống</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và nghiên cứu điều chỉnh quy định mức hỗ trợ để phù hợp với quy định và thực tế của địa phương.</p>	<p>Công văn số 917/UBND-TCKH ngày 16/5/2023</p>

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
30	UBND thành phố Gia Nghĩa	<p>nhất với các nội dung quy định tại Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, 03 ý kiến đề nghị điều chỉnh tỷ lệ hỗ trợ ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới. Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn còn lại không có ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết nêu trên (có văn bản kèm theo).</p> <p>UBND huyện Krông Nô cơ bản thống nhất với các nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, UBND huyện Kông Nô có ý kiến về tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới như phụ lục đính kèm.</p> <p>Sau khi tổ chức lấy ý kiến các đơn vị có liên quan và UBND các xã trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa, các đơn vị cơ bản thống nhất theo nội dung dự thảo Nghị quyết. Trong đó có 1 ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch góp ý đề nghị điều chỉnh định mức hỗ trợ nội dung số 17 “Chợ nông thôn” tại phần Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn: Điều chỉnh mức hỗ trợ từ 95% lên 100%. - Xã còn lại: Điều chỉnh mức hỗ trợ từ 90% lên 100%. <p>* Lý do đề nghị điều chỉnh: Chợ nông thôn thuộc công trình thương mại và dịch vụ (công cộng) phục vụ cho nhân dân, tiểu thương trao đổi, mua bán hàng hoá; việc huy động đóng góp để xây dựng công trình công cộng phục vụ cho mục đích chung của Nhân dân, tiêu thương tại địa bàn các xã là rất khó khăn. Bên cạnh đó, hầu hết danh mục dự án xây dựng chợ hiện nay đều đưa vào danh mục xã hội hóa, kêu gọi đầu tư để giảm bớt nguồn lực đầu tư của Ngân sách nhà nước.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo, lý do:</p> <p>(1) Theo quy định tại tiết 2 điểm b khoản 1 mục V của Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thì các công trình cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã,...thì ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần để thực hiện; không phải thuộc đối tượng được hỗ trợ 100%;</p> <p>(2) Mặt khác hiện nay các công trình cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ nông thôn,... đang được kêu gọi thực hiện bằng hình thức xã hội hóa để giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và có hiệu quả khi đưa vào sử dụng.</p>	<p>Công văn số 1078/UBND-TCKH ngày 26/5/2023</p>

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
31	Sở Tư pháp	<p>- Tại Thông báo số 16/TB-HĐND của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung có liên quan có nêu:</p> <p><i>“Về nội dung dự thảo nghị quyết và quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các CTMTQG: Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất nội dung quy định tại Chương I, Chương II của dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, đối với Chương III về cơ chế hỗ trợ thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Thường trực HĐND tỉnh có một số ý kiến như sau: (1) Đề nghị UBND tỉnh chi đạo nghiên cứu, đánh giá kỹ kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (nay đã hết hiệu lực), đối với những nội dung thực hiện có hiệu quả, còn phù hợp với thực tiễn, tạo được sự đồng thuận cao của Nhân dân, như việc hỗ trợ vật liệu xây dựng giao thông nông thôn... thì tiếp thu, kế thừa đưa vào dự thảo nghị quyết mới.”</i></p> <p>Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện để rà soát, hoàn thiện nội dung theo chỉ đạo của Thường trực HĐND để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Trường hợp, qua rà soát đánh giá phát sinh nội dung mới cần đưa vào dự thảo Nghị quyết thì có thể phối hợp với Sở Tư pháp để xem xét về cơ sở pháp lý... của nội dung mới đó.</p>	<p>Về nội dung này, cơ quan soạn thảo xin tiếp thu, giải trình như sau:</p> <p>1. Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, đánh giá, từ đó đề xuất tiếp tục kế thừa 08/10 nội dung, công trình để tiếp tục quy định hỗ trợ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, cụ thể kế thừa các danh mục, công trình sau: (1) Đường giao thông đến trung tâm xã; (2) Đường trục thôn, bon, buôn, bản; đường ngõ xóm; giao thông nội đồng; (3) Công trình trường tiểu học, trung học cơ sở; (4) Công trình trường mầm non; (5) Nhà văn hóa, công trình thể thao xã, thôn, bon, buôn, bản; (6) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; (7) Công trình hệ thống thủy lợi nội đồng và (8) Công trình thoát nước thải khu dân cư.</p> <p>2. Đối với ý kiến nghiên cứu kế thừa quy định hỗ trợ nguyên vật liệu để làm đường giao thông nông thôn: Về vấn đề này, cơ quan soạn thảo đề xuất hỗ trợ theo tỷ lệ % tổng mức đầu tư công trình (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng). Lý do:</p> <p>(1) Cơ chế hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn (đường giao thông trục thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm; giao thông nội đồng) theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh là hỗ trợ định mức nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, ca máng) theo định mức kỹ thuật trên 01km đường bê tông xi măng mác 200, chiều rộng 03m, chiều dày 16cm.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy chuẩn đường giao thông nông thôn trong giai đoạn hiện nay (tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 03/2/2023 về ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh) thì làm đường giao thông nông thôn có 3 cấp (A, B, C) với các tiêu chuẩn đường khác nhau, như:</p> <p>- Đường cấp A tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 300, dày (18-22cm), bề rộng mặt đường</p>	<p>Công văn số 646/STP-VBPBPL ngày 25/5/2023</p>

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			<p>3,5m, đắp bù lè đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt Kyc >=0,92, chiều rộng tối thiểu một bên từ 1,25-1,75m.</p> <p>- Đường cấp B tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 250, dày (16-18cm), bề rộng mặt đường 3-3,5m, đắp bù lè đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt Kyc >=0,92, chiều rộng tối thiểu một bên từ 0,5-0,75m.</p> <p>- Đường cấp C tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 200, dày (14-16cm), bề rộng mặt đường 2-3m, đắp bù lè đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt Kyc >=0,92, chiều rộng tối thiểu một bên từ 0,5m. Bên cạnh đó, tại Quyết định số 106/QĐ-UBND còn có các loại đường đá dăm, lán nhựa gồm các cấp A, B, C có tiêu chuẩn thiết kế khác với loại đường nêu trên nên vật liệu sử dụng loại đường này cũng khác.</p> <p>Do đó, nếu kế thừa quy định mức hỗ trợ theo như định mức tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 thì sẽ gặp vướng mắc, thiếu sự linh hoạt trong việc lựa chọn phương án thiết kế; ngoài ra, hầu như các công trình tại khu vực đông dân cư, để thực hiện đã được các địa phương thực hiện ở giai đoạn trước, giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư các công trình ở địa hình khó khăn hơn khu vực dân cư thưa hơn sẽ phát sinh chi phí đầu tư hệ thống công, rãnh thoát nước theo tiêu chuẩn thiết kế dẫn đến mức đóng góp của người dân tăng lên rất nhiều, gây khó khăn cho các địa phương trong việc tổ chức huy động nguồn lực triển khai thực hiện.</p> <p>(2) Ngoài ra, việc hỗ trợ định mức nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, ca máy) chỉ áp dụng cho hình thức cộng đồng dân cư tự thực hiện tức là các dự án đặc thù theo Quyết định của UBND tỉnh, dự toán được cho các công trình này chỉ gồm: VL+NC+CM; đối với các dự án thực hiện theo hình thức thông thường do doanh nghiệp thực hiện thì ngoài VL+NC+CM còn phải thêm 14,2% các chi phí: 6,2%(VL+NC+CM) chi phí chung; 6%(VL+NC+CM) thu nhập chịu thuế;</p>	

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			<p>2%(VL+NC+CM) chi phí không xác định từ thiết kế. Như vậy, cùng là dự án giao thông nhưng mức đóng góp của người dân phải tăng thêm rất nhiều khi thực hiện theo hình thức thông thường, điều này sẽ xảy ra nhiều bất cập trong quá trình huy động nguồn lực.</p> <p>(3) Qua tham khảo các tỉnh có điều kiện tự nhiên tương đồng với tỉnh Đắk Nông như tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, cũng như hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước có thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hiện nay đã ban hành chính sách hỗ trợ nông thôn mới cấp xã theo tỷ lệ % của tổng mức đầu tư được duyệt (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng)</p> <p>Từ các lý do nêu trên, kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua phương án quy định định mức hỗ trợ các công trình trong xây dựng nông thôn mới theo tỷ lệ % của tổng mức đầu tư được duyệt (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng) để tạo sự linh động, thuận lợi hơn trong quá trình thiết kế và sự công bằng đối với công trình thực hiện theo hình thức đặc thù và thông thường. Đồng thời, tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc huy động nguồn lực ở cơ sở để thực hiện.</p>	<p>Công văn số 646/STP-VBPBPL ngày 25/5/2023</p>
	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>- Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo xem thêm về định mức hỗ trợ:</p> <p>+ Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù "<u>Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư. Mức hỗ trợ thực hiện một dự</u></p>	<p>Về nội dung này cơ quan soạn thảo tiếp thu và giải trình như sau:</p> <p>Trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu và xây dựng quy định chỉ hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, công trình tại phần Phụ lục của Nghị quyết, phần còn lại huy động đóng góp từ người dân để thực hiện.</p> <p>Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến như sau: Đối với tỷ lệ huy động với các dự án: Đường giao thông đến trung tâm xã, công trình</p>	

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>án cụ thể từ ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương quyết định". Như vậy, trong danh mục các nội dung hỗ trợ tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết có các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông (như dự án "Đường giao thông đến trung tâm non, tiêu học, trung phụ trợ của trường mầm non, tiêu học, trung học cơ sở"...) quy định định mức hỗ trợ là 100% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư cho cả các xã còn lại (không thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn) có phù hợp với quy định trên hay không?</p> <p>+ Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, rà soát các dự án mà dự thảo Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 100%, đối chiếu lại với quy định về cơ chế hỗ trợ tại tiết b tiêu mục 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định 263/QĐ-TTg năm 2022 (nội dung nào được hỗ trợ 100%, nội dung nào được hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước? Quy định như dự thảo Nghị quyết đã phù hợp hay chưa?).</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình</p> <p>phòng chống thiên tai cấp xã, cơ sở vật chất trường học, Trung tâm văn hóa - thể thao xã, diêm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em; đầu tư mới đài truyền thanh xã; loa truyền thanh tới thôn... đây là những dự án có quy mô, nguồn vốn lớn, đối tượng thụ hưởng rộng, việc huy động nguồn lực từ người dân khó có khả thi, do vậy các dự án này do ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm đảm bảo. Vì vậy, sau khi nghị nghiên cứu, cơ quan soạn thảo xin tiếp thu theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh để phù hợp với tình hình thực tế.</p>	

PHỤ LỤC 02:
CƠ SỞ TÍNH TOÁN, ĐỀ XUẤT MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN
ĐỊA BÀN XÃ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 3297/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đvt: triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng nhu cầu vốn các công trình cấp xã đã được phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 dự kiến phân bổ để thực hiện các công trình cấp xã		
			Tổng cộng	Kế hoạch vốn đã giao	Dự kiến giao bổ sung
	TỔNG	799.193	700.380	571.760	128.620
1	ĐẮK MIL	126.933	99.561	73.358	26.203
2	ĐẮK R'LÁP	226.049	146.265	128.508	17.757
3	KRÔNG NÔ	156.043	133.186	127.889	5.297
4	ĐẮK SONG	80.220	66.396	59.236	7.160
5	CƯ JÚT	102.476	120.089	102.476	17.613
6	TUY ĐỨC	42.330	81.866	31.866	50.000
7	ĐẮK GLONG	28.365	27.678	23.376	4.302
8	GIA NGHĨA	36.777	25.339	25.051	288

Theo số liệu phân tích, tổng hợp ở trên thì tỷ lệ mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các công trình cấp xã so với tổng nhu cầu vốn thực tế là 88% (=700.380/799.193 triệu đồng x 100).

Như vậy, trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và tổng nhu cầu vốn các công trình cấp xã đã được phê duyệt, UBND tỉnh đề xuất mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng công trình cấp xã biến động từ 85% đến 97% là phù hợp với nhu cầu thực tế và nguồn lực sẵn có tại địa phương, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ (các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần, không phải thuộc đối tượng được hỗ trợ 100%).

Số: /2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, Khóa IV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, LĐTB&XH, NN&PTNT;
- Ủy ban Dân tộc, Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu VT, CT.HĐND, HC-TC-QT.

CHỦ TỊCH**Lưu Văn Trung**

QUY ĐỊNH

Cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương 2

CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC KHÁC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 3. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng: Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn vay của ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng thương mại; vốn ngân sách nhà nước các cấp ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội.

2. Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

Điều 4. Nguyên tắc huy động vốn

1. Khuyến khích, huy động tối đa nguồn vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Huy động nguồn vốn để thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn kết, phù hợp với tình hình đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương và hướng tới hoàn thành các mục tiêu đề ra của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Hoạt động huy động nguồn vốn được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, huy động bằng nhiều hình thức (*đóng góp bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*); đảm bảo cơ chế giám sát của Nhà nước, các tổ chức đoàn thể và của cộng đồng dân cư.

4. Các nguồn vốn huy động phải được sử dụng đúng mục đích, đúng nội dung công việc cụ thể đã thống nhất. Khi hoạt động, nội dung, dự án hoàn thành còn dư vốn huy động thì được chuyển qua đầu tư cho hoạt động, nội dung, dự án khác trên cùng địa bàn các thôn, bon, buôn, bản (*gọi tắt là các thôn*) và phải thông báo công khai cho đối tượng đóng góp biết.

5. Việc huy động nguồn vốn gắn với các dự án chỉ sử dụng một nguồn vốn hoặc dự án lồng ghép có chung mục tiêu, đối tượng trên địa bàn phải dựa trên cơ sở thỏa thuận rõ về sự tham gia vào quá trình thẩm định, phê duyệt, thủ tục hạch toán, đối ứng, quản lý tài chính đối với phần vốn góp của các bên đóng góp để khuyến khích góp vốn chung. Giá trị huy động các nguồn vốn khác phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán và phải được theo dõi, đánh giá tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 5. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng

1. Phương thức huy động

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội; Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã; vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và từ các tổ chức tín dụng thương mại để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua các chính sách tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ; các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tín dụng đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ tín dụng cho người nghèo.

b) Hằng năm, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân (*cấp tỉnh, cấp huyện*) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật.

2. Sử dụng nguồn vốn tín dụng

a) Nguồn vốn tín dụng từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội: Thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

b) Vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định pháp luật liên quan.

c) Nguồn vốn tín dụng thương mại: Thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng và thỏa thuận riêng giữa bên vay và bên cho vay.

Điều 6. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác

1. Phương thức huy động

a) Thông qua việc thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của Trung ương và của tỉnh, tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tập trung nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Huy động nguồn vốn đóng góp, tài trợ (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho từng hoạt động, nội dung, dự án cụ thể hoặc cho ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Huy động nguồn vốn đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc huy động nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư phải được bàn bạc dân chủ, được người dân nhất trí; phải thực hiện công khai danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tỷ lệ đóng góp cho từng dự án, nội dung cụ thể và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

2. Sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp khác

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

b) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ: Được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và thỏa thuận với các nhà tài trợ.

c) Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (không thuộc nguồn vốn quy định tại điểm b khoản này): Đối với khoản đóng góp, viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phải được dự toán, hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước; đối với các khoản đóng góp, viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và thỏa thuận với các nhà tài trợ.

d) Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng thì không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước; đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hoạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.

Điều 7. Công khai tài chính nguồn vốn huy động hợp pháp khác

1. Nội dung công khai: Kết quả huy động vốn (*đối tượng, thời gian, hình thức, mức huy động, đóng góp của các đối tượng*); việc sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; số chênh lệch thu, chi phải được công khai (nếu có).

2. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Nhà văn hóa các thôn; thông báo trên hệ thống truyền thanh cấp xã, các thôn và thông qua các buổi họp trực tiếp với nhân dân.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát nguồn vốn huy động hợp pháp khác

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động huy động đóng góp, sử dụng nguồn vốn để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung kêu gọi đầu tư, hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành. Đồng thời chấn chỉnh những sai sót có thể xảy ra để điều chỉnh, xử lý kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm kiểm tra, giám sát nguồn vốn trong huy động và quá trình quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật; đồng thời kiểm tra, giám sát việc công khai, minh bạch trong huy động, sử dụng nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật.

Chương 3

CƠ CHẾ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 9. Mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã theo tỷ lệ hỗ trợ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng các nội dung, công trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư (*không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng*).

b) Phần còn lại giao các địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động và huy động các nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn

hợp pháp khác ngoài ngân sách để tổ chức thực hiện theo quy định tại tiết 7 điểm b khoản 1 mục V của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này.

2. Thứ tự ưu tiên trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu do ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cụ thể như sau:

a) Thứ nhất: Đường giao thông (gồm: đường trục thôn, bon, buôn, bản; đường liên thôn, bon, buôn, bản; đường ngõ xóm; đường xã và đường trục chính nội đồng).

b) Thứ hai: Trường học (gồm: Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và Trường Mầm non).

c) Thứ ba: Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Thứ tư: Các công trình khác thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã phải thực hiện cơ bản hoàn thành ưu tiên thứ nhất, thứ hai và thứ ba, sau đó mới lập kế hoạch triển khai thực hiện nội dung ưu tiên thứ tư, trừ trường hợp các xã có khả năng đạt chuẩn trong năm kế hoạch; đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới thì thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình, dự án theo sự sắp xếp của xã phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Nếu Trung ương có quy định khác về thứ tự ưu tiên so với thứ tự ưu tiên nêu trong Nghị quyết này cho một nguồn vốn cụ thể thì thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

Điều 10. Phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã

Để lại nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã do UBND cấp huyện trực tiếp quyết định thực hiện thì để lại cho ngân sách xã đó thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, với tỷ lệ cụ thể như sau: (1) Đối với xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã 70%; (2) Đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã tối thiểu 30%. Phần còn lại để lại ngân sách cấp huyện điều tiết chung.

Phụ lục
MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐẮK NÔNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Địa bàn và định mức hỗ trợ	
			Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc huyện nghèo	Các xã còn lại
I	Công trình giao thông nông thôn			
1	Đường giao thông đến trung tâm xã	%	97	95
2	Đường giao thông trục thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm	%	90	85
3	Đường giao thông nội đồng	%	90	85
4	Cống qua đường giao thông nông thôn; rãnh thoát nước; công trình thoát nước thải khu dân cư	%	90	85
5	Cầu qua đường giao thông nông thôn	%	90	85
II	Hệ thống thủy lợi nội đồng, hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai			
6	Cải tạo, xây mới hệ thống kênh mương và công trình trên kênh	%	95	85
7	Công trình phòng chống thiên tai cấp xã	%	97	95
III	Công trình giáo dục			
8	Cơ sở vật chất trường học (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở).	%	97	95
IV	Công trình văn hóa			
9	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Hội trường đa năng có sân thể thao	%	97	95
10	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bon, buôn, bản	%	95	85
11	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	%	97	95

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Địa bàn và định mức hỗ trợ	
			Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc huyện nghèo	Các xã còn lại
V	Công trình cấp nước sinh hoạt			
12	Công trình, hệ thống vật tư, thiết bị cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn	%	97	95
VI	Công trình vệ sinh môi trường nông thôn			
13	Hệ thống thu gom, xử lý chất thải vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản	%	95	85
14	Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của cụm xã, xã và các thôn (không bao gồm đầu tư cơ sở xử lý hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ có phạm vi phục vụ trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã)	%	95	85
15	Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	%	95	85
VII	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			
16	Đầu tư mới đài truyền thanh xã; hệ thống loa truyền thanh tới thôn	%	97	95
VIII	Hạ tầng thương mại nông thôn			
17	Chợ nông thôn	%	95	90
IX	Cải tạo cảnh quan nông thôn			
18	Sửa chữa, chỉnh trang, xây mới tường rào, cổng ngõ, các công trình kiến trúc của hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thi công các công trình công cộng (<i>áp dụng đối với các hộ gia đình tự nguyện hiến đất, tháo dỡ các công trình của gia đình để thực hiện xây dựng các công trình công cộng</i>)	%	50	40

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**
Số: 216/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Nông, ngày 07 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 13/02/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Kết luận Phiên họp thứ 26 Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020; cụ thể như sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách:

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 4970/UBND-KTKH ngày 05/10/2018 về việc triển khai Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia đã lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện hiệu quả các nội dung của chính sách, cụ thể như:

- Triển khai, thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết: Về kiểm tra, giám sát; về phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước; về ban hành các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình để thi công các công trình đơn giản, kỹ thuật không phức tạp; về lập kế hoạch đầu tư các công trình; về công tác khen thưởng;

- Bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các địa phương để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng theo đúng quy định, tỷ lệ mà Nghị quyết đã đề ra; đồng thời, cân đối bố trí kinh phí để khen thưởng các địa phương phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới;

- Chỉ đạo các địa phương trong việc đầu tư xây mới, nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng theo quy định của Bộ tiêu chí nông thôn mới và phù hợp với các quy định, định mức hỗ trợ của Nghị quyết;

- Thường xuyên yêu cầu các Sở, ngành liên quan tổng hợp, xử lý các ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến thực hiện các nội dung của Nghị quyết.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách:

Nhằm thực hiện hiệu quả chính sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức tuyên truyền, tập huấn để phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND đến quần chúng nhân dân, giúp hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nói chung và các nội dung, chính sách của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND nói riêng, cụ thể như:

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực trong công tác xây dựng nông thôn mới đồng thời lồng ghép tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND tới cán bộ cấp huyện, xã, thôn, bon, buôn và người dân trên địa bàn;

- Các cơ quan, đơn vị đã đăng tải, tuyên truyền chính sách trên trang thông tin điện tử về xây dựng nông thôn mới của tỉnh "nongthonmoi.daknong.gov.vn"; in ấn và cấp phát sổ tay hướng dẫn, tờ rơi, làm các panô, áp phích, đĩa DVD phóng sự để phổ biến các nội dung về xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, phối hợp với cơ quan báo chí của Trung ương và địa phương (Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh) để xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Từ định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được quy định trong Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND, chính quyền địa phương cấp xã đã tuyên truyền và huy động được các nguồn lực từ nhân dân để góp phần xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

3. Kết quả đạt được của chính sách:

Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 từ khi được ban hành đã có tác động hiệu quả trong quá trình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3.1. Kết quả chung mà chính sách đã mang lại:

- Về cơ chế huy động vốn: Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện các Chương trình, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng. Đa phần người dân tích cực hưởng ứng thực hiện các Chương trình và tự nguyện đóng góp theo đúng tỷ lệ

được quy định trong Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND, bảo đảm kinh phí thực hiện được huy động đầy đủ và kịp thời;

- Việc tổ chức triển khai huy động các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn hợp pháp khác từ cộng đồng như công lao động, vật liệu tại chỗ, hiến tặng đất và tài sản trên đất, tiền mặt và các hình thức đóng góp khác do cộng đồng dân cư thống nhất, phù hợp với khả năng thực tế của cộng đồng và người dân trực tiếp hưởng lợi;

- Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được chú trọng đầu tư xây dựng, ngày càng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và góp phần nâng cao điều kiện sống của người dân nông thôn, làm thay đổi bộ mặt, diện mạo vùng nông thôn, điển hình như: Hệ thống đường giao thông ngày càng được cứng hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân; các công trình nhà văn hóa thôn, bon, bản được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới nhưng vẫn giữ được nét đẹp riêng của vùng miền và thu hút được đông đảo người dân tới sinh hoạt; hệ thống trường học các cấp được chú trọng đầu tư, nâng cấp và trang bị đầy đủ các thiết bị dạy và học;

- Công tác phát triển về văn hóa, giáo dục y tế đã được các cấp, các ngành quan tâm: Chất lượng dạy học ở cơ sở ngày càng có sự chuyển biến, nâng cao; công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn được nâng cao về chất lượng và số lượng, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng; các vấn đề về văn hóa được giữ gìn và phát huy;

- Công tác phát triển sản xuất bước đầu có kết quả trong triển khai thực hiện: xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình phát triển sản xuất đem lại thu nhập cao; các hợp tác xã, tổ hợp tác tăng lên về số lượng và hoạt động hiệu quả;

- Các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vận động xã hội hóa và lồng ghép từ các chính sách dạy nghề, xây dựng nông thôn mới, các chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh; cơ bản bao phủ được số hộ nghèo và địa bàn xã còn khó khăn; người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống để các hộ vươn lên thoát nghèo bền vững.

3.2. Tác động của chính sách đến việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

3.2.1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

a) Kết quả về huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2021¹

Tổng huy động nguồn lực đầu tư vào khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2018 - 2021 để xây dựng nông thôn mới đạt khoảng 71.922,788 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư ngân sách nhà nước trực tiếp Chương trình: 650,522 tỷ đồng (Ngân sách Trung ương 427,911 tỷ đồng, ngân sách địa phương 222,641 tỷ đồng), chiếm 0,9%.

¹ Số liệu theo Báo cáo số 342/BC-UBND ngày 16/6/2022.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khoảng: 3.644,939 tỷ đồng, chiếm 5,07%.
- Vốn tín dụng thương mại: 67.061 tỷ đồng, chiếm 93,24%.
- Vốn doanh nghiệp: 225,942 tỷ đồng, chiếm 0,31%.
- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư (*bao gồm ngày công, tiền mặt; hiến đất đai, cây cối, hoa màu,..*): 340,345 tỷ đồng, chiếm 0,47 %.

b) Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới:

Đến nay thành phố Gia Nghĩa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; toàn tỉnh đã có 35/60 xã được công nhận đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 16,58 tiêu chí/xã; có 2 huyện đã có 100% số xã đạt chuẩn (huyện Đắk R'lấp và huyện Cư Jút), không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí, chỉ còn huyện Tuy Đức là chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Kết quả thực hiện tiêu chí nâng cao, kiểu mẫu: Đến nay chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3.2.2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND được ban hành có tác động rất lớn đến việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Kết quả huy động nguồn lực: Tổng nguồn vốn được bố trí để thực hiện Chương trình là 683,762 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 136,752 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ 495,834 tỷ đồng (Vốn đầu tư 372,831 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp 123,003 tỷ đồng);
- Ngân sách địa phương (chính sách giảm nghèo đặc thù) 185,003 tỷ đồng;
- Nguồn huy động, lồng ghép 29,25 tỷ đồng.

b) Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh: Giai đoạn 2018-2021, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đã giảm đáng kể theo từng năm, cụ thể:

- Năm 2018, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là: 21.070 hộ chiếm tỷ lệ 13,51% trên tổng số hộ toàn tỉnh (giảm 3,06% so với năm 2017); Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 30,14% (giảm 4,43% so với năm 2017), tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 38,57% (giảm 5,88% so với năm 2017);

- Năm 2019, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 17.128 hộ chiếm tỷ lệ 10,52% trên tổng số hộ toàn tỉnh (giảm 2,99% so với năm 2018); Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 24,15% (giảm 5,99% so với năm 2018), tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 31,59% (giảm 6,98% so với năm 2018);

- Năm 2020, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 11.785 hộ chiếm tỷ lệ 6,98% trên tổng số hộ toàn tỉnh (giảm 3,54% so với năm 2019); Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 17,18% (giảm 6,97% so với năm 2019), tỷ

lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 22,80% (giảm 8,79% so với năm 2019);

- Năm 2021 tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 11.530 hộ: Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 2,16% so với cuối năm 2020 từ 6,98% xuống còn 4,82%, đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu kế hoạch đề ra là trên 2,0%/năm); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 5,9%, từ 17,18% xuống còn 11,28%, đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu đề ra là trên 4,0%/năm).

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện chính sách:

- Việc huy động nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nói chung và Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 nói riêng còn một số khó khăn, vướng mắc: ngân sách đầu tư của nhà nước còn thấp so với nhu cầu; ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình còn hạn chế, trong khi ngân sách tỉnh gặp nhiều khó khăn, chưa bố trí, đáp ứng được nhu cầu của các địa phương; vốn huy động trong nhân dân khá thấp; vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp không nhiều;

- Tỷ lệ huy động tại các xã khu vực I, tỷ lệ đóng góp của người dân đối với một số công trình tương đối cao như: công trình thoát nước thải khu dân cư (tỷ lệ đóng góp của người dân 70%, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 30%), công trình trường mầm non (tỷ lệ đóng góp của người dân 50%, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%), cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi (tỷ lệ đóng góp của người dân 50%, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%). Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 thì việc đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng ở tất cả các địa phương đều phải huy động vốn của người dân để thực hiện; tuy nhiên tại các huyện nghèo có nhiều xã đặc biệt khó khăn thì việc huy động từ nhân dân để thực hiện còn bất cập, chưa thuận lợi trong triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Ê Văn Chiến

Số: 10 /BCTĐ-STP

Đắk Nông, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 519/SKHĐT-QLN ngày 20/3/2023 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo, với những nội dung chính như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo Nghị quyết

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

...

c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này”.

- Căn cứ tiết 2 điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 263/QĐ-TTg), quy định:

“V. Các cơ chế và giải pháp thực hiện chương trình

1. Cơ chế hỗ trợ chương trình

b) Cơ chế hỗ trợ:

+ Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới:... Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.**

*Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc Các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.***”.

- Căn cứ tiết 2 điểm đ khoản 2 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg:

“2. Một số giải pháp trọng tâm thực hiện

đ) Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

*- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng NTM. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM.***”.

- Mặt khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định *“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”* (theo khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và phù hợp với quy định.

Tuy nhiên, về đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo Quy định để tránh trùng lặp các đối tượng: *“các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến...”*, cơ quan soạn thảo có thể trình bày lại ngắn gọn, phù hợp hơn như sau: *“1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến cơ chế huy động và hỗ trợ tại Điều 1 Quy định này.”*.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Sở Kế hoạch và đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại: Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung cơ bản phù hợp với các văn bản có liên quan như: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản

lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025...

Tuy nhiên, cần rà soát, chỉnh lý thêm một số nội dung sau để dự thảo Nghị quyết được phù hợp hơn:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết:

- Phần căn cứ pháp lý: Cần rà soát một số căn cứ pháp lý không liên quan trực tiếp đến nội dung cần điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết (theo Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL) thì không nên đưa vào, chẳng hạn như:

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Tên gọi dự thảo bổ sung từ “Ban hành” trước cụm từ “Quy định cơ chế huy động...” cho chính xác với Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Hiệu lực thi hành của dự thảo phải đúng quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Ngoài ra, đối với nội dung:

“Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết đã ban hành” cần thuyết minh cụ thể, rõ ràng để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Đối với dự thảo Quy định:

- Điều 3 Dự thảo:

Thời gian qua, hưởng ứng các chương trình mục tiêu quốc gia đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhiều người dân sẵn sàng hiến đất cùng chính quyền xây dựng các công trình phúc lợi. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét đối với “đất đai, cây cối, hoa màu” là nguồn vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng đã nằm trong nhóm “hiện vật” chưa? Theo

tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND kèm theo hồ sơ, có nêu về các nguồn lực được huy động trong đó có đất đai, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét thêm đối với “đất đai” là nguồn vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

Theo điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: “Căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy mô, bố trí ngân sách địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý vốn tín dụng chính sách.” nhưng trong dự thảo nghị quyết chưa có nội dung này? Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét thêm để quy định cho phù hợp, thống nhất tránh phát sinh khó khăn khi thực hiện trên thực tế.

- Hiện nay, hình thức thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển khoản...). Đặc biệt, việc thanh toán điện tử đã trở thành hình thức thanh toán rất phổ biến hiện nay. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “mặt” tại khoản 3 Điều 4, ý thứ 2 điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo.

- Điều 6:

+ Cần rà soát các nội dung liên quan đến nguồn vốn tài trợ nước ngoài (đã được quy định tại Điều 5 dự thảo) để tránh trùng lặp.

+ Điểm d khoản 1 Điều 6 quy định: “Đối với những hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người già, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, người hưởng trợ cấp xã hội thì không huy động bằng tiền mặt, bằng hiện vật mà chỉ huy động bằng ngày công lao động (nếu có khả năng lao động)” cần xem xét thêm quy định tại Công văn số 1447/TTg-KTN ngày 13/8/2014 về việc Huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: “Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp”. Đồng thời, xem xét thêm nội dung tại điểm b khoản 1 Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg cho phù hợp: “Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân xem xét, quyết

định mức thù lao cụ thể sau khi trình thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành, huyện, xã triển khai thực hiện.”

+ Điểm d khoản 2 Điều 6 quy định: “*Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng thì không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước*”. Cần thuyết minh về cơ sở pháp lý và xem xét cho phù hợp với quy định tại điểm t, khoản 1, Điều 37 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 6, khoản 11, Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước thì khoản thu “huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật” và “các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước” **thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước?**

- Tại khoản 2 Điều 7 dự thảo quy định: “*Hình thức công khai: Niêm yết tại..., Nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn, xóm, tổ dân phố...*”. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định: “*Các xã, các thôn (thôn, bon, buôn, bản)...*”. Cơ quan soạn thảo cần rà soát để quy định cho thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định và Phụ lục.

- Tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Quy định: cần đối chiếu về đối tượng ưu tiên hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “*Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), xã đạt dưới 15 tiêu chí*”. Hiện nay tỉnh Đắk Nông bao gồm 2 xã an toàn khu theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Đắk Nông.

- Điều 10 dự thảo, quy định tỉ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, vậy phần còn lại thuộc ngân sách cấp nào? Xem lại cụm từ “*tối thiểu*” tại khoản 2 Điều 10 được hiểu như thế nào? quy định tỷ lệ tối thiểu có dẫn đến áp dụng tuy tiện?

Ngoài ra, cần rà soát, xem xét lại nội dung cho phù hợp, thống nhất với Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 – 2025 (ví dụ: trường hợp nội dung tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND chưa thống nhất với nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết này thì cần điều chỉnh

cho phù hợp). Cần nghiên cứu thêm quy định tại điểm d khoản 2 Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg để quy định cho phù hợp: *“Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, **huyện** từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng NTM. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM.”*

c) Đối với dự thảo Phụ lục:

- Tại mục 1, Phần I hỗ trợ “Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện” tuy nhiên theo Quyết định số 263/QĐ-TTg chỉ hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã?

- Tại mục 5, Phần I hỗ trợ “Cầu qua đường giao thông nông thôn”; mục 11, phần IV “Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi” có được hỗ trợ theo Quyết định số 263/QĐ-TTg?

- Tại mục 10, Phần IV cần sửa lại là “Khu thể thao, Nhà văn hóa thôn, bản” cho thống nhất với Quyết định số 263/QĐ-TTg.

- Nội dung tại Phần VII cần xem xét lại cho phù hợp với nội dung tương ứng đã được quy định tại dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh do Sở Tài chính chủ trì thực hiện (theo đó nội dung này quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%?).

- Tại mục 8 (công trình giáo dục), mục 9 (trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Hội trường đa năng có sân thể thao), mục 12 (công trình, hệ thống vật tư, thiết bị cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn), mục 16 (đầu tư mới đài truyền thanh xã; hệ thống loa truyền thanh tới thôn và mục 18 (chợ nông thôn), **định mức hỗ trợ là 100%** đối với xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, theo quy định tại tiết 2, điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg, **hỗ trợ một phần** từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau: *“Hỗ trợ xây dựng trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định;”*. Do đó, cơ quan soạn thảo cần điều chỉnh định mức hỗ trợ cho phù hợp hoặc thuyết minh cụ thể để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Ngoài các nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới thì tại các Chương trình mục tiêu quốc gia khác: Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số cũng có các nội dung về xây dựng cơ sở hạ tầng, do đó để đảm bảo việc ban hành các quy

định được toàn diện, đề nghị cần rà soát để quy định cho thống nhất, tránh phát sinh khó khăn, mâu thuẫn khi thực hiện trên thực tế (tại Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND trước đây cũng quy định nội dung này cho Chương trình giảm nghèo bền vững?).

Tóm lại, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, rà soát kỹ các nội dung được giao quy định chi tiết để xác định nội dung quy định cho phù hợp, đồng thời nghiên cứu ý kiến của các đơn vị có liên quan để tham mưu cho đầy đủ, đảm bảo tính khả thi, thống nhất trong quá trình thực hiện.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, chú ý các lỗi cách chữ, dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, không sử dụng một cách tùy tiện)..., đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết và Quy định kèm theo:

- Đối với tên gọi dự thảo Quy định: bỏ từ “Về” cho thống nhất với tên gọi dự thảo Nghị quyết.

- Điểm c khoản 2 Điều 5 dự thảo Quy định cần viết chính xác: “*bên vay và bên cho vay*”.

- Khoản 1 Điều 9 dự thảo Quy định viết chính xác: “... Phần còn lại... ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này”.

- Rà soát, sửa lỗi trình bày trong toàn bộ dự thảo: sửa số thứ tự các Chương là I, II, III; không viết hoa tùy tiện (điểm a khoản 1 Điều 6 “Tinh”), khoảng cách giữa các từ trong văn bản; không đánh chung số trang Phụ lục với dự thảo Quy định...

b) Đối với dự thảo Tờ trình:

- Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định...).

- Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Kết luận chung

Việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là đúng thẩm quyền và cần thiết.

Tuy nhiên về nội dung, cơ quan soạn thảo cần xem xét, nghiên cứu những vấn đề mà Sở Tư pháp nêu tại mục 1, 2, 3 của Báo cáo thẩm định này, đồng thời có sự giải trình cụ thể đối với từng nội dung tiếp thu hay không tiếp thu từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (t/h);
- GD, PGD Sở;
- Lưu: VT, VBPL (H).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 79 /BC-SKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020; ý kiến kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 13/02/2023 tại phiên thứ 26 của Thường trực HĐND tỉnh khóa IV; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các nội dung trình tại Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 và kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; Thông báo số 285/TB-VPUBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Lê Trọng Yên - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 15/3/2023; Tờ trình số 1560/TTr-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc đề nghị bổ sung và đưa nội dung ra khỏi danh mục trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 HĐND tỉnh Khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xây dựng và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (*dự thảo Nghị quyết*) và lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết.

Ngày 20/3/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 519/SKH-QLN đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 10/BCTĐ-STP ngày 29/3/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình một số nội dung như sau:

ST T	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Giải trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư
I	Đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo Nghị quyết	
1	Về đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo Quy định để tránh trùng lặp các đối tượng: “ <i>các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến...</i> ”, cơ quan soạn thảo có thể trình bày lại ngắn gọn, phù hợp hơn như sau: “ <i>1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến cơ chế huy động và hỗ trợ tại Điều 1 Quy định này.</i> ”.	Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
II	Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật	
*	Đối với dự thảo Nghị quyết	
1	Phần căn cứ pháp lý: Cần rà soát một số căn cứ pháp lý không liên quan trực tiếp đến nội dung cần điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết (theo Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL) thì không nên đưa vào, chẳng hạn như: <i>Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.</i>	Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
2	Tên gọi dự thảo bổ sung từ “ <i>Ban hành</i> ” trước cụm từ “ <i>Quy định cơ chế huy động...</i> ” cho chính xác với Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.	Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến của Sở Tư pháp.

3	Hiệu lực thi hành của dự thảo phải đúng quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp.
4	<p>Ngoài ra, đối với nội dung:</p> <p><i>“Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết đã ban hành”</i> cần thuyết minh cụ thể, rõ ràng để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên, cơ quan soạn thảo giải trình như sau: Nội dung này được quy định cụ thể tại điểm a khoản 7 Điều 3 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “7. Cơ chế hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc: a) Nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016 - 2020 và căn cứ theo dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, theo nguyên tắc ...”.</p>
*	<i>Đối với dự thảo Quy định</i>	
1	Điều 3 Dự thảo:	
-	<p>Thời gian qua, hưởng ứng các chương trình mục tiêu quốc gia đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhiều người dân sẵn sàng hiến đất cùng chính quyền xây dựng các công trình phúc lợi. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét đối với “<i>đất đai, cây cối, hoa màu</i>” là nguồn vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng đã nằm trong nhóm “hiện vật” chưa? Theo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND kèm theo hồ sơ, có nêu về các nguồn lực được huy động trong đó có đất đai, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét thêm đối với “<i>đất đai</i>” là nguồn vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo; bởi vì: Nội dung này, cơ quan soạn thảo đã bám sát quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 12, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.</p>
-	<p>Theo điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: “<i>Căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy mô, bố trí ngân sách địa</i></p>	<p>Tiếp thu theo ý kiến của Sở Tư pháp; tại dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đề xuất quy định như sau: “<i>Hàng năm, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh,</i></p>

<p><u>phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý vốn tín dụng chính sách.</u>” nhưng trong dự thảo nghị quyết chưa có nội dung này? Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét thêm để quy định cho phù hợp, thống nhất tránh phát sinh khó khăn khi thực hiện trên thực tế.</p>	<p>cấp huyện) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật”; bởi vì: (1) Hiện nay các chương trình mục tiêu quốc gia ngoài được huy động vốn từ các chính sách tín dụng của từng chương trình, thì còn huy động vốn từ ngân hàng chính sách xã hội và chính sách tín dụng của các ngân hàng thương mại...; ngoài ra, tại tỉnh ta cũng đang thực hiện một số chính sách tín dụng có liên quan như: sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 về hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh...; (2) Giai đoạn 2021-2025, trung ương quy định vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện 3 chương trình MTQG hơn 498 tỷ đồng (trong đó: NS tỉnh 115 tỷ đồng, NS huyện 383 tỷ đồng). Vì vậy, việc bố trí vốn đối ứng này gây áp lực rất lớn cho các địa phương để thực hiện đối ứng cho các chương trình; (3) Theo quy định Chính phủ không yêu cầu mức huy động tối thiểu nguồn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện) ủy thác cho vay tín dụng. Vì vậy, việc huy động thêm ngân sách địa phương để hỗ trợ cho vay tín dụng sẽ tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách là phù hợp thực tế của ngân sách địa phương các địa phương; (4) Nội dung này đã được lấy ý kiến của Sở Tài chính thì cũng đồng ý theo đề xuất của cơ quan soạn thảo; (5) Ngoài ra, tham khảo các tỉnh như: Thái Bình, Bắc Kạn, Hòa Bình, Quảng Bình, Lâm Đồng, Gia Lai, ... thì cũng quy định căn cứ vào tình hình khả năng cân đối ngân sách để thực hiện chính sách tín dụng như tỉnh ta.</p>
<p>- Hiện nay, hình thức thanh toán có thể được</p>	<p>Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở</p>

	thực hiện bằng tiền mặt hoặc thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển khoản...). Đặc biệt, việc thanh toán điện tử đã trở thành hình thức thanh toán rất phổ biến hiện nay. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “mặt” tại khoản 3 Điều 4, ý thứ 2 điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo.	Tư pháp.
2	Điều 6:	
-	Cần rà soát các nội dung liên quan đến nguồn vốn tài trợ nước ngoài (đã được quy định tại Điều 5 dự thảo) để tránh trùng lặp.	Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
-	<p>Điểm d khoản 1 Điều 6 quy định: “<i>Đối với những hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người già, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, người hưởng trợ cấp xã hội thì không huy động bằng tiền mặt, bằng hiện vật mà chỉ <u>huy động bằng ngày công lao động</u> (nếu có khả năng lao động)</i>” cần xem xét thêm quy định tại Công văn số 1447/TTg-KTN ngày 13/8/2014 về việc Huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: “<i>Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp</i>”. Đồng thời, xem xét thêm nội dung tại điểm b khoản 1 Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg cho phù hợp: “<i>Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua.</i></p> <p><i>Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể sau khi trình thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành, huyện, xã</i></p>	Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.

	<i>triển khai thực hiện.”</i>	
-	<p>Điểm d khoản 2 Điều 6 quy định: “<i>Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng thì không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước</i>”.</p> <p>Cần thuyết minh về cơ sở pháp lý và xem xét cho phù hợp với quy định tại điểm t, khoản 1, Điều 37 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 6, khoản 11, Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước thì khoản thu “huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật” và “các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước” thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo; bởi vì: Nội dung này đã được quy định tại khoản 3, Điều 13, Nghị định số 27/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022.</p>
3	<p>Tại khoản 2 Điều 7 dự thảo quy định: “<i>Hình thức công khai: Niêm yết tại..., Nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn, xóm, tổ dân phố...</i>”. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định: “<i>Các xã, các thôn (thôn, bon, buôn, bản)...</i>”</p> <p>Cơ quan soạn thảo cần rà soát để quy định cho thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định và Phụ lục.</p>	<p>Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>
4	<p>Tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Quy định: cần đổi chiều về đối tượng ưu tiên hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “<i>Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>”. Hiện nay tỉnh Đắk Nông bao</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên, để tránh chồng chéo và quy định lại những nội dung mà Trung ương đã quy định; cơ quan soạn thảo xin đưa nội dung này ra khỏi dự thảo (<i>bỏ quy định tại khoản 4 Điều 9 về nguyên tắc hỗ trợ</i>)</p>

	gồm 2 xã an toàn khu theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Đắk Nông.	
5	Điều 10 dự thảo, quy định tỉ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, vậy phần còn lại thuộc ngân sách cấp nào? Xem lại cụm từ “tối thiểu” tại khoản 2 Điều 10 được hiểu như thế nào? quy định tỷ lệ tối thiểu có dẫn đến áp dụng tùy tiện? Ngoài ra, cần rà soát, xem xét lại nội dung cho phù hợp, thống nhất với Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 – 2025 (ví dụ: trường hợp nội dung tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND chưa thống nhất với nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết này thì cần điều chỉnh cho phù hợp). Cần nghiên cứu thêm quy định tại điểm d khoản 2 Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg để quy định cho phù hợp: “ <u>Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng NTM. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM.</u> ”	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo, bởi vì: (1) Về quy định tỉ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, phần còn lại thuộc ngân sách cấp huyện vì: Nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất của ngân sách huyện, ngân sách huyện được hưởng 100% (Theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021); (2) Quy định mức “tối thiểu” để cấp huyện căn cứ tình hình thực tế của từng địa phương xem xét, bố trí (có thể bố trí cao hơn). Nội dung này đã được lấy ý kiến các huyện, đa số đồng ý theo đề xuất của cơ quan soạn thảo; (3) Đối với ý kiến rà soát, xem xét lại nội dung cho phù hợp, thống nhất với Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Cơ quan soạn thảo đã rà soát và nhận thấy quy định này chưa được quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND; mặt khác, cơ quan soạn thảo kế thừa lại nội dung của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh.
*	Đối với dự thảo Phụ lục:	
1	Tại mục 1, Phần I hỗ trợ “Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện” tuy nhiên theo Quyết định số 263/QĐ-TTg chỉ hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã?	Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
2	Tại mục 5, Phần I hỗ trợ “Cầu qua đường giao thông nông thôn”; mục 11, phần IV “Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi” có được hỗ trợ theo Quyết định số 263/QĐ-TTg?	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo; bởi vì: Đây là những công trình thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới cần phải thực hiện để đạt chuẩn theo quy định; mặt khác đây cũng là những công trình quan trọng liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân nông thôn nên cần có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện.
3	Tại mục 10, Phần IV cần sửa lại là “Khu thể	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy

	thao, Nhà văn hóa thôn, bản” cho thống nhất với Quyết định số 263/QĐ-TTg.	nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo; bởi vì: Trên địa bàn tỉnh ngoài thôn, bản thì còn có bon, buôn (tương đương với thôn, bản); do đó nên ghi rõ, đầy đủ để các địa phương thuận tiện trong quá trình áp dụng thực hiện, cơ quan soạn thảo ghi đầy đủ, rõ ràng.
4	Nội dung tại Phần VII cần xem xét lại cho phù hợp với nội dung tương ứng đã được quy định tại dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh do Sở Tài chính chủ trì thực hiện (theo đó nội dung này quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%?).	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo; bởi vì: (1) dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh do Sở Tài chính chủ trì thực hiện là sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp; (2) Còn các công trình, dự án quy định tại dự thảo nghị quyết này thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; mặt khác theo quy định tại tiêu tiết thứ nhất, tiết hai điểm b khoản 1 mục V Quyết định 263/QĐ-TTg thì “cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” chỉ được ngân sách hỗ trợ một phần, không phải hỗ trợ 100%.
5	Tại mục 8 (công trình giáo dục), mục 9 (trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Hội trường đa năng có sân thể thao), mục 12 (công trình, hệ thống vật tư, thiết bị cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn), mục 16 (đầu tư mới đài truyền thanh xã; hệ thống loa truyền thanh tới thôn và mục 18 (chợ nông thôn), định mức hỗ trợ là 100% đối với xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, theo quy định tại tiết 2, điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg, hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau: “ <i>Hỗ trợ xây dựng trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định;</i> ”. Do đó, cơ quan soạn thảo cần điều chỉnh định mức hỗ trợ cho phù hợp hoặc thuyết minh cụ thể để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; cơ quan soạn thảo xin điều chỉnh các nội dung, công trình trong dự thảo có quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đối tượng “ Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã ” từ hỗ trợ 100% thành 95% để thống nhất chung cho tất cả các nội dung, công trình và đảm bảo đúng theo quy định của Quyết định số 263/QĐ-TTg.
6	Ngoài các nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng xây	Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; cơ quan

	<p>dựng nông thôn mới thì tại các Chương trình mục tiêu quốc gia khác: Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số cũng có các nội dung về xây dựng cơ sở hạ tầng, do đó để đảm bảo việc ban hành các quy định được toàn diện, đề nghị cần rà soát để quy định cho thống nhất, tránh phát sinh khó khăn, mâu thuẫn khi thực hiện trên thực tế (tại Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND trước đây cũng quy định nội dung này cho Chương trình giảm nghèo bền vững?).</p>	<p>soạn thảo xin giải trình như sau: Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt cho 3 chương trình, tuy nhiên, chỉ có chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, 02 chương trình còn lại không quy định (quy định Tiết 2 điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Ngoài ra, tham khảo các tỉnh thì các tỉnh chỉ xây dựng riêng cho chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.</p>
III	Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	
1	<p>Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, chú ý các lỗi cách chữ, dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, không sử dụng một cách tùy tiện)..., đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:</p> <p>a) Đối với dự thảo Nghị quyết và Quy định kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tên gọi dự thảo Quy định: bỏ từ “Về” cho thống nhất với tên gọi dự thảo Nghị quyết. - Điểm c khoản 2 Điều 5 dự thảo Quy định cần viết chính xác: “<i>bên vay và bên cho vay</i>”. - Khoản 1 Điều 9 dự thảo Quy định viết chính xác: “... Phần còn lại... ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này”. - Rà soát, sửa lỗi trình bày trong toàn bộ dự thảo: sửa số thứ tự các Chương là I, II, III; không viết hoa tùy tiện (điểm a khoản 1 Điều 6 “Tinh”), khoảng cách giữa các từ trong văn bản; không đánh chung số trang Phụ lục với dự thảo Quy định... <p>b) Đối với dự thảo Tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định...). - Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư. 	<p>Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>

Trên đây là toàn bộ nội dung tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 31/03/2023 17:40:34



Ngô Xuân Đông

**UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

Số: 757 /SNN-VPĐP

V/v tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết huy động nguồn lực

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 606/SKH-QLN ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

Sau khi nghiên cứu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 10/BCTĐ-STP ngày 29 tháng 3 năm 2023 về dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu tiếp thu và giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết; đồng thời đã nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện bản dự thảo Nghị quyết sau khi tiếp thu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (các nội dung tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung được tô màu xanh).

Với nội dung trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề tổng hợp, nghiên cứu và hoàn thiện bản dự thảo Nghị quyết (Có Phụ lục nội dung tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định và bản dự thảo Nghị quyết hoàn thiện sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp (để biết);
- Ban Giám đốc Sở;
- Văn phòng Điều phối XDNTM tỉnh;
- Lưu: VT, VPĐP (T).

GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh

PHỤ LỤC

NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Công văn số...757/SNN-VPĐP ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
1	Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh				
-	Việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và phù hợp với quy định	Tiếp thu ý kiến thẩm định			
-	Về đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo Quy định đề tránh trùng lặp các đối tượng: “ <i>các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến...</i> ”; cơ quan soạn thảo có thể trình bày lại ngắn gọn, phù hợp hơn như sau: “ <i>1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến cơ chế huy động và hỗ trợ tại Điều 1 Quy định này.</i> ”	Tiếp thu và điều chỉnh theo ý kiến thẩm định	1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025	1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến cơ chế huy động và hỗ trợ tại Điều 1 Quy định này.	

TT	Ý KIẾN THÂM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỐ NN&PTNT		GHI CHÚ
		NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU KHI TIẾP THU Ý KIẾN	
2	Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật			
a	Đối với dự thảo Nghị quyết:			
	<p>- Phần căn cứ pháp lý: Cần rà soát một số căn cứ pháp lý không liên quan trực tiếp đến nội dung cần điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết (theo Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL) thì không nên đưa vào, chẳng hạn như: Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Dầu tư công, ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định</p>	<p>Bỏ các căn cứ theo ý kiến thẩm định</p>	<p>Nội dung này đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu cho ý kiến tiếp thu, giải trình (nếu khác ý kiến với nội dung tiếp thu của Sở NN&PTNT)</p>

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỐ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
-	Tên gọi dự thảo bổ sung từ "Ban hành" trước cụm từ "Quy định cơ chế huy động..." cho chính xác với Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến thẩm định	<p>NGHỊ QUYẾT</p> <p>Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025</p>	<p>NGHỊ QUYẾT</p> <p>Ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025</p>	
-	Hiệu lực thi hành của dự thảo phải đúng quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.	Tiếp thu ý kiến thẩm định			
-	Đối với nội dung: "Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết đã ban hành" cần thuyết minh cụ thể, rõ ràng để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định	<p>Đối với nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến thẩm định và xin bổ quy định nội dung này.</p> <p>Lý do: Ngày 16 tháng 3 năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh đã có Thông báo số 285/TB-VPUBND về kết luận của đồng chí Lê Trọng Yên</p> <p>- PCT UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 15 tháng 3 năm 2023 về thảo luận, thảo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc áp dụng thực hiện huy động nguồn lực xây dựng nông</p>	<p>Điều 3. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành</p>	<p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, Khóa IV, kỳ họp chuyên đề thứ 7 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2023./.</p>	

TT	Ý KIẾN THÂM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
b	Đối với dự thảo Quy định:	<p>thôn mới theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh.</p> <p>Theo đó, đồng chí Lê Trọng Yên - PCT UBND tỉnh đã chỉ đạo, yêu cầu UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 mục V của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để huy động nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn cấp xã phù hợp với quy định và thực tế tại địa phương.</p> <p>Do đó, để thống nhất, thuận lợi cho các địa phương trong quá trình thực hiện; Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất bỏ nội dung này của dự thảo; đồng thời bỏ Điều 3 của Quyết nghị và điều chỉnh lại cho phù hợp</p>	<p>thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết đã ban hành.</p> <p>2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, Khóa IV, kỳ họp chuyên đề thứ 7 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2023./.</p>		

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
-	<p>Thời gian qua, hướng ứng các chương trình mục tiêu quốc gia đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhiều người dân sẵn sàng hiến đất cùng chính quyền xây dựng các công trình phúc lợi. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung “<i>đất đai, cây cối, hoa màu</i>” là nguồn vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng. Và bổ sung nội dung: Đối với hiện vật, đất đai, cây cối hoa màu trên đất, ngày công lao động được quy đổi thành tiền.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định và điều chỉnh, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 cho phù hợp</p>	<p>5. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (<i>bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động</i>) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.</p>	<p>5. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (<i>bằng tiền, hiện vật, ngày công lao động, đất đai, cây cối, hoa màu, ...</i>) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.</p>	
-	<p>Theo điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: “<i>Cán cứ các chính sách tin dụng của Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy mô, bố trí ngân sách địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý vốn tín dụng chính sách.</i>” nhưng trong dự thảo nghị quyết chưa có nội dung này? Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét thêm đề xuất</p>	<p>Nội dung này đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tiếp thu, giải trình</p>			<p>Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tiếp thu, giải trình</p>

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
	cho phù hợp, thông nhất tránh phát sinh khó khăn khi thực hiện trên thực tế				
	Hiện nay, hình thức thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển khoản...). Đặc biệt, việc thanh toán điện tử đã trở thành hình thức thanh toán rất phổ biến hiện nay. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ "mặt" tại khoản 3 Điều 4, ý thứ 2 điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo.	Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến thẩm định			
	<p>Tại Điều 6:</p> <p>+ Cần rà soát các nội dung liên quan đến nguồn vốn tài trợ nước ngoài (đã được quy định tại Điều 5 dự thảo) để tránh trùng lặp.</p> <p>+ Điểm d khoản 1 Điều 6 quy định: "<i>Đối với những hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người già, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, người hưởng trợ cấp xã hội thì không huy động bằng tiền mặt, bằng hiện vật mà chỉ huy động bằng ngày công lao động (nếu có khả năng lao động)</i>" cần xem xét thêm quy định tại Công văn số 1447/TTg-KTN ngày 13/8/2014 về việc Huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình MTOG xây dựng nông thôn mới: "<i>Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bất buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những</i></p>	Tiếp thu nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp			

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
	<p><i>hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp".</i></p> <p>Đồng thời, xem xét thêm nội dung tại điểm b khoản 1 Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg cho phù hợp</p>				
	<p>+ Điểm d khoản 2 Điều 6 quy định: "<i>Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng thì không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước".</i> Cần thuyết minh về cơ sở pháp lý và xem xét cho phù hợp với quy định tại tại điểm t, khoản 1, Điều 37 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 6, khoản 11, Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước thì khoản thu "huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật" và "các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước" thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước?</p>	<p>Nội dung này đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tiếp thu, giải trình</p>		<p>Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tiếp thu, giải trình</p>	

TT	Ý KIẾN THÂM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến tham định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến tham định	
-	Tại khoản 2 Điều 7 dự thảo quy định: “Hình thức công khai: Niêm yết tại...Nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn, xóm, tổ dân phố...”. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định: “Các xã, các thôn (thôn, bon, buôn, bản)...”. Cơ quan soạn thảo cần rà soát đề quy định cho thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định và Phụ lục.	Tiếp thu theo ý kiến tham định	2. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn, xóm, tổ dân phố và thông qua các buổi họp trực tiếp với nhân dân.	2. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Nhà văn hóa các thôn; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn và thông qua các buổi họp trực tiếp với nhân dân.	
-	Tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Quy định: cần đổi chiều về đối tượng ưu tiên hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số	Tiếp thu ý kiến tham định. Đề tránh trùng chéo và quy định lại các nội dung đã có quy định của trung ương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin bỏ quy định tại khoản 4 Điều 9 về nguyên tắc hỗ trợ	4. Nguyên tắc hỗ trợ: Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí; Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn để bảo đảm bền vững. Trên cơ sở tổng nguồn vốn kế hoạch trung hạn và hàng năm được giao, các cơ quan, đơn vị, các địa	Không quy định	

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỐ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU	GHI CHÚ
	<p>ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), xã đạt dưới 15 tiêu chí". Hiện nay tỉnh Đắk Nông bao gồm 2 xã an toàn khu theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Đắk Nông.</p>		<p>Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định</p>	
	<p>Tại Điều 10 dự thảo, quy định tỉ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, vậy phân còn lại thuộc ngân sách cấp nào? Xem lại cụm từ "tối thiểu" tại khoản 2 Điều 10 được hiểu như thế nào? quy định tỷ lệ tối thiểu có dẫn đến áp dụng tùy tiện? Ngoài ra, cần rà soát, xem xét lại nội dung cho phù hợp, thống nhất với Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 – 2025 (ví dụ: trường hợp nội dung tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND chưa thống nhất với nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết này thì cần điều chỉnh cho phù hợp). Cần nghiên cứu thêm quy định tại điểm d khoản 2 Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg để quy định cho phù hợp:</p>	<p>- Đối với ý kiến xem lại cụm từ "tối thiểu": Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo; bởi vì: Quy định mức "tối thiểu" để cấp huyện căn cứ tình hình thực tế của địa phương xem xét, bố trí (có thể bố trí cao hơn). Nội dung này đã được lấy ý kiến các huyện, đa số đồng ý theo đề xuất của cơ quan soạn thảo.</p> <p>- Đối với ý kiến rà soát, xem xét lại nội dung cho phù hợp, thống nhất với Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Cơ quan soạn thảo đã rà soát và nhận thấy quy định này chưa có quy định cụ thể tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND; mặt khác tại tiết 2 điểm d khoản 2 Mục V Quyết định số</p>	<p>phương chủ động lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên đầu tư cho phù hợp nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch hằng năm và cho cả giai đoạn được cơ quan có thẩm quyền giao.</p>	

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
		263/QĐ-TTg quy định: “Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới. Do đó cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên quy định này tương tự trong giai đoạn 2018-2021 quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND			
c	Đổi với dự thảo Phụ lục:				
-	Tại mục 1, Phần I hỗ trợ “Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện” tuy nhiên theo Quyết định số 263/QĐ-TTg chi hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã?	Tiếp thu điều chỉnh theo ý kiến thẩm định	1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện	1. Đường giao thông đến trung tâm xã	

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
-	<p>- Tại mục 5, Phần I hỗ trợ “Câu qua đường giao thông nông thôn”; mục 11, phần IV “Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi” có được hỗ trợ theo Quyết định số 263/QĐ-TTg?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến; tuy nhiên xin giữ nguyên như dự thảo; lý do: Đây là những công trình thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới cần phải thực hiện để đạt chuẩn theo quy định; mặt khác đây cũng là những công trình quan trọng liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân nông thôn nên cần có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện</p>			
-	<p>- Tại mục 10, Phần IV cần sửa lại là “Khu thể thao, Nhà văn hóa thôn, bản” cho thống nhất với Quyết định số 263/QĐ-TTg</p>	<p>Tiếp thu ý kiến; tuy nhiên xin giữ nguyên như dự thảo; lý do: Trên địa bàn tỉnh ngoài thôn, bản thì còn có bon, buôn (tương đương với thôn, bản); do đó nên ghi rõ, đầy đủ để các địa phương thuận tiện trong quá trình áp dụng thực hiện</p>			
-	<p>Nội dung tại Phần VII cần xem xét lại cho phù hợp với nội dung tương ứng đã được quy định tại dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh do Sở Tài chính chủ trì thực hiện (theo đó nội dung này quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%?)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến; tuy nhiên cơ quan soạn thảo xin đề lại như dự thảo, lý do: (1) dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh do Sở Tài chính chủ trì thực hiện là sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp; (2) Còn các công trình, dự án quy định ở dự thảo nghị quyết</p>			

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
		<p>này đa số đều thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; mặt khác theo quy định tại tiêu tiết thứ nhất, tiết hai điểm b khoản 1 mục V Quyết định 263/QĐ-TTg thì “cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” chỉ được ngân sách hỗ trợ một phần, không phải hỗ trợ 100%</p>			
	<p>Tại mục 8 (công trình giáo dục), mục 9 (trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Hội trường đa năng có sân thể thao), mục 12 (công trình, hệ thống vật tư, thiết bị cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn), mục 16 (đầu tư mới đài truyền thanh xã; hệ thống loa truyền thanh tới thôn và mục 18 (chợ nông thôn), định mức hỗ trợ là 100% đối với xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, theo quy định tại tiết 2, điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg, hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau: “<i>Hỗ trợ xây dựng trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; khu thể thao, nhà văn hóa xã; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; đơn vị soạn thảo xin điều chỉnh các nội dung, công trình trong dự thảo có quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đối tượng “Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã” từ hỗ trợ 100% thành 95% để thống nhất chung cho tất cả các nội dung, công trình và đảm bảo đúng theo quy định của Quyết định số 263/QĐ-TTg.</p>	<p>Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 100%</p>	<p>Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa là 95%</p>	

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
	<p><i>vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; ”.</i></p> <p>Do đó, cơ quan soạn thảo cần điều chỉnh định mức hỗ trợ cho phù hợp hoặc thuyết minh cụ thể đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định</p>				
-	<p>Ngoài các nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới thì tại các Chương trình mục tiêu quốc gia khác: Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số cũng có các nội dung về xây dựng cơ sở hạ tầng, do đó để đảm bảo việc ban hành các quy định được toàn diện, đề nghị cần rà soát đề quy định cho thống nhất, tránh phát sinh khó khăn, mâu thuẫn khi thực hiện trên thực tế (tại Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND trước đây cũng quy định nội dung này cho Chương trình giảm nghèo bền vững?)</p>	<p>Nội dung này theo quan điểm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì tiếp thu theo ý kiến thẩm định. Tuy nhiên, để phù hợp với định hướng, quan điểm xây dựng quy định do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến này</p>		<p>Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tiếp thu, giải trình</p>	
3	Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản				

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
-	<p>Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, chú ý các lỗi cách chữ, dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, không sử dụng một cách tùy tiện)... đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:</p>	<p>Tiếp thu điều chỉnh theo ý kiến thẩm định</p>			
+	<p>a) Đối với dự thảo Nghị quyết và Quy định kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tên gọi dự thảo Quy định: bỏ từ “Vê” cho thông nhất với tên gọi dự thảo Nghị quyết. - Điểm c khoản 2 Điều 5 dự thảo Quy định cần viết chỉnh xác: “<i>bên vay</i>” và <i>bên cho vay</i>”. - Khoản 1 Điều 9 dự thảo Quy định viết chỉnh xác: “... <i>Phần còn lại...</i> ban hành kèm theo <i>Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này</i>”. - Rà soát, sửa lỗi trình bày trong toàn bộ dự thảo: sửa số thứ tự các Chương là I, II, III; không viết hoa tùy tiện (điểm a khoản 1 Điều 6 “Tình”), khoảng cách giữa các từ trong văn bản; không đánh chung số trang Phụ lục với dự thảo Quy định... 	<p>Tiếp thu điều chỉnh theo ý kiến thẩm định</p>			

TT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỐ NN&PTNT	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾP THU		GHI CHÚ
			Nội dung Dự thảo lấy ý kiến thẩm định	Nội dung điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định	
+	<p>b) Đối với dự thảo Tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định.....). - Thê thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư 	<p>Tiếp thu điều chỉnh theo ý kiến thẩm định</p>			